

Bản án số: 50/2021/HNGĐ - ST

Ngày: 28-9-2021

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGA SƠN, TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tạ Văn Tuyền.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Bá Luyến và bà Vũ Thị Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 28/9/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, mở phiên tòa để xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 98/2021/TLST - HNGĐ ngày 21/6/2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 27/8/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2021/QĐST-HNGĐ ngày 14/9/2021 giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị S - Sinh năm: 1993 - Địa chỉ: Thôn Văn Đức, xã P, huyện N, tỉnh Thanh Hóa – Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Trần Văn C - Sinh năm: 1987 - Địa chỉ: Thôn 1, xã Th, huyện N, tỉnh Thanh Hóa – Vắng mặt (không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/6/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị S trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Trần Văn C kết hôn vào ngày 23/01/2013, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Sau ngày kết hôn, vợ chồng chị chung sống không hòa hợp nên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là quan điểm sống của hai vợ chồng ngày càng khác nhau, mâu thuẫn ngày càng nhiều không thể dung hòa. Chị và anh C sống ly thân nhau vào ngày 15/9/2018 cho đến nay, không còn quan tâm gì tới nhau nữa. Nay chị đề nghị được ly hôn anh C theo quy định của pháp luật.

Về con: Vợ chồng chị có 01 con chung là Trần Tuấn H - Sinh ngày: 09/10/2013. Hiện cháu đang ở với chị, chị yêu được trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, anh C đã biết được chị S khởi kiện xin ly hôn anh ra Tòa án nhưng anh vẫn cố tình vắng mặt, không hợp tác, không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án, không nêu ý kiến của mình, nên vụ án không tiến hành hòa giải được.

Vụ án có liên quan đến người chưa thành niên nên Tòa án tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp theo quy định tại khoản 3 Điều 208 BLTTDS.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nga Sơn phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn chấp hành các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật; bị đơn không chấp hành các quyền và nghĩa vụ theo quy định.

- Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị S, cho chị Trần Thị S được ly hôn anh Trần Văn C. Về con: Giao cháu Trần Tuấn H - Sinh ngày: 09/10/2013 cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng; anh C không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Về án phí: Chị S phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Trần Thị S có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa giải quyết việc ly hôn giữa chị và anh Trần Văn C. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án huyện Nga Sơn.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã đến tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng cho anh Trần Văn C biết việc chị Trần Thị S xin ly hôn anh. Nhưng trong quá trình giải quyết vụ án anh C vắng mặt nên không thống nhất được hướng giải quyết vụ án. Ngày 14/9/2021, Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử lần thứ nhất, anh C vắng mặt không có lý do nên phải hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay, chị S vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt còn anh C vắng mặt lần thứ hai không có lý do, nên theo quy định điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử lần hai - vắng mặt chị S và anh C.

[2] Về hôn nhân: Chị Trần Thị S và anh Trần Văn C kết hôn ngày 23/01/2013, trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình đồng ý, không cản trở, cưới có đăng ký kết hôn, như vậy là hôn nhân hợp pháp. Theo chị S, vợ chồng chị chung sống không hòa hợp nên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là quan điểm sống của hai vợ chồng ngày càng khác nhau, mâu thuẫn ngày càng nhiều không thể

dung hòa. Chị và anh C sống ly thân nhau vào ngày 15/9/2018 cho đến nay, không còn quan tâm gì tới nhau nữa.

Tại biên bản xác minh ngày 09/7/2021, đại diện thôn 1, xã Th cho biết anh C và chị S sau ngày kết hôn chung sống tại nhà anh C đến năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn, bất đồng, chị S cùng con về bên ngoại ở xã Nga Phú sinh sống từ đó đến nay không thấy quay trở lại nhà anh C.

HĐXX thấy cuộc hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, cần giải quyết cho chị S được ly hôn anh C là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Chị S và anh C có 01 con chung là Trần Tuấn H - Sinh ngày: 09/10/2013. Chị S đề nghị được trực tiếp nuôi con. Ý kiến của cháu H là nếu bố mẹ cháu không ở được với nhau thì cháu có nguyện vọng được ở với mẹ. HĐXX thấy, từ khi anh C và chị S sống ly thân nhau đến nay cháu H ở với chị S. Mặt khác, nguyện vọng của cháu H là được ở với mẹ. Để tránh xáo trộn cuộc sống cũng như học tập của cháu, nên xử giao cháu H cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật và thực tiễn.

Về mức cấp dưỡng: Chị S không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung, nên miễn xét.

[4] Về tài sản: Chị S không yêu cầu giải quyết, nên miễn xét.

[5] Về án phí: Chị Trần Thị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (DSST) về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật TTDS năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Trần Thị S, cho chị S được ly hôn anh Trần Văn C.

2. Về con: Giao cháu Trần Tuấn H - Sinh ngày: 09/10/2013 cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng, anh C không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh C có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Trần Thị S phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí DSST mà chị đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số AA/2019/0011074 ngày 16/6/2021 của Chi cục THADS huyện Nga Sơn; chị S đã nộp đủ tiền án phí DSST.

4. Về quyền kháng cáo: Chị S và anh C có quyền kháng bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Nga Sơn;
- Chi cục THADS huyện Nga Sơn;
- UBND xã P, huyện N;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tạ Văn Tuyển